

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 6 năm 2019

PHỤ LỤC X

BÁO CÁO CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp

a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp:

- Nguyên tắc xác định trả lương đối với người lao động:

+ Căn cứ Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 về hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Căn cứ quy chế chi trả lương đối với người lao động trong Công ty FOSCO.

+ Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-FOSCO-VP ngày 04/08/2016 về ban hành quy chế đánh giá hiệu suất công việc áp dụng đối với người lao động tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài (FOSCO).

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp:

+ Căn cứ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 về hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Căn cứ Thông tư số 221/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước theo quy định tại Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ;

+ Căn cứ quy chế chi trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty FOSCO.

b) Quỹ tiền lương kế hoạch:

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động năm 2018:

Được xây dựng dựa trên quy định tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ, Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 về hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, quy chế chi trả lương đối với người lao động trong Công ty FOSCO và Quyết định số 738/QĐ-FOSCO-VP ngày 04/08/2016 về ban hành quy chế đánh giá hiệu suất công việc áp dụng đối với người lao động tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài (FOSCO).

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý doanh nghiệp năm 2018:

Được xây dựng dựa trên quy định tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ, Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 về hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Thông tư số 221/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính, quy chế chi trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty FOSCO.

c) Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp:

Công ty thực hiện phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp theo các quy định hiện hành và quy chế nội bộ tại đơn vị.

2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp:

BIỂU BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2018

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2018 | | Năm 2019 |
|------------|--|------------------|----------|-----------|----------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | Kế hoạch |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| I | HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP | | I | I | I |
| II | TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG | | | | |
| 1 | Lao động | Người | 186 | 181 | 180 |
| 2 | Mức tiền lương bình quân | 1.000 đ/tháng | 11.42 | 12.98 | 14.84 |
| 3 | Quỹ tiền lương | Triệu đồng | 25,489 | 28,186 | 30,578 |
| 4 | Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động | Triệu đồng | 7,103 | 6,942 | 7,645 |
| 5 | Thu nhập bình quân | 1.000 đ/tháng | 14,600 | 16,173 | 17,696 |
| III | TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP | | | | |
| 1 | Số người quản lý doanh nghiệp (tính bình quân) | Người | 7.833 | 7.67 | 7 |
| 2 | Mức lương cơ bản bình quân | Triệu đồng/tháng | 23.68 | 22.35 | 23.49 |

| | | | | | |
|---|--|------------------|-------|-------|-------|
| 3 | Quỹ tiền lương, thù lao | Triệu đồng | 2,107 | 2,276 | 3,254 |
| 4 | Mức tiền lương bình quân | Triệu đồng/tháng | 22.41 | 22.35 | 35.23 |
| 5 | Quỹ tiền thưởng | Triệu đồng | 270 | 237 | 237 |
| 6 | Tiền thưởng, thu nhập | Triệu đồng/tháng | 3.22 | 2.82 | 2.82 |
| 7 | Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý | Triệu đồng/tháng | 24.03 | 29.69 | 38.78 |

Ghi chú: Quỹ lương kế hoạch năm 2019 (cột 6) đang chờ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố phê duyệt. *mlh*

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TƯỜNG MINH